

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 182/2023/DS-ST
Ngày 23-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Ngọc Tiến;
- Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ; Địa chỉ trụ sở: 54A đường B, quận C, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Tầng E, Tòa nhà F, số 180-192 đường B1, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là:* Ông Võ Minh T, sinh năm 1983. (theo Giấy ủy quyền số 118/2023/GUQ-TGD12 ngày 06/01/2023) (có Đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Thành N, sinh năm 1968; Địa chỉ thường trú: 3/38/9 đường B2, phường C2, Quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là ông Võ Minh T trình bày:

Ngày 01/4/2021 Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Tân Bình – PGD Ba Tháng Hai (sau đây viết tắt là M) và ông Đỗ Thành N đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng M với số tiền hạn mức thẻ là 150.000.000đ. Mục đích vay vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 36 tháng.

Căn cứ vào Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì ông Đỗ Thành N sử dụng thẻ MasterCard Super Free, Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 3 Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 01/2021 ký ngày 29/3/2021. Căn cứ vào Biểu lãi suất, phí thẻ tín dụng thì Lãi suất trong hạn áp dụng đối với thẻ MasterCard Super Free là 40%/năm và lãi suất quá hạn là 145%/năm lãi suất trong hạn tương đương 58%/năm. Phương thức trả nợ: khi có phát sinh dư nợ thẻ, hàng tháng M sao kê ngày 10 và thời hạn thanh toán là ngày 20 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Thành N đã không thanh toán nợ cho M. Từ ngày 21/5/2021 M đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông Đỗ Thành N sang nợ quá hạn, dư nợ tạm tính là 154.931.507đ (trong đó: nợ gốc là 150.000.000đ; nợ lãi trong hạn là 4.931.507đ) và áp dụng tính lãi quá hạn từ ngày 21/5/2021. Dư nợ tạm tính đến ngày 23/6/2023 là 336.797.260đ (Ba trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm sáu mươi đồng) trong đó nợ gốc: 150.000.000đ, lãi trong hạn: 4.931.507đ, lãi quá hạn: 181.865.753đ.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với M của ông Đỗ Thành N đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng, nên ngày 13/01/2023 Ngân hàng TMCP A đã có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Đỗ Thành N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng M ngày 01/4/2021, dư nợ tạm tính đến ngày 23/6/2023 là 336.797.260đ (Ba trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm sáu mươi đồng) trong đó nợ gốc: 150.000.000đ, lãi trong hạn: 4.931.507đ, lãi quá hạn: 181.865.753đ.

2. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, kể từ ngày 24/6/2023, ông Đỗ Thành N phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận quy định tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng M ngày 01/4/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

***Bị đơn ông Đỗ Thành N:** vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2023 của N đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

Xét, bị đơn ông Đỗ Thành N có nơi cư trú tại 3/38/9 đường B2, phường C2, Quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Đỗ Thành N đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của N đơn là ông Võ Minh T có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB đề ngày 01/4/2021 có cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Đỗ Thành N có thỏa thuận với nhau về việc Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông N nhằm phục vụ nhu cầu đời sống với hạn mức là 150.000.000đ, loại thẻ MasterCard Super Free, lãi suất trong hạn là 40%/năm, lãi suất quá hạn là 58%/năm (145% x lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn). Xét sự thỏa thuận giữa ông N với Ngân hàng xuất phát từ sự tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các chủ thể tham gia.

[2.2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định sau khi Ngân hàng cấp thẻ tín dụng thì ông N đã không thanh toán bất cứ khoản nợ vay nào cho Ngân hàng như đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, nên từ ngày 21/5/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N đồng thời chuyển toàn bộ số tiền 154.931.507đ sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là 58%/năm. Xét việc ông N không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 13 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông N trả nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế thì “...*Lãi suất quá hạn là lãi suất cố định và được tính bằng 145% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn nhưng không vượt quá mức trần lãi suất quy định của Pháp luật...*”. Xét mức lãi suất mà các bên trong hợp đồng thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Theo Biểu lãi suất, phí thẻ tín dụng thì Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trong hạn đối với thẻ Mastercard là 40%/năm nên lãi suất quá hạn là 58%/năm. Như vậy, tổng số tiền mà ông N phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 23/6/2023 là 336.797.260đ (Ba trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm sáu mươi đồng) trong đó nợ gốc: 150.000.000đ, lãi trong hạn: 4.931.507đ, lãi quá hạn: 181.865.753đ.

Theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì “...Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật...”; “Mức lãi suất hai bên thỏa thuận hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn”, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 24/6/2023 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền N đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn: Buộc ông Đỗ Thành N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2023 là 336.797.260đ (Ba trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn, hai trăm sáu mươi đồng) trong đó nợ gốc: 150.000.000đ, lãi trong hạn: 4.931.507đ, lãi quá hạn: 181.865.753đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Thành N phải chịu số tiền là 16.839.863đ (Mười sáu triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi ba đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 6.420.554đ (Sáu triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, năm trăm năm mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019393 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Ngọc